



Viện hóa học công nghiệp Việt nam

Cơ sở 1: Số 2 - Phạm Ngũ Lão - Hà nội

Cơ sở 2: Km 10.5 QL32 - Cầu diễn - Từ liêm - Hà nội

TEL: 04-3.7643270 FAX: 04-3.8372303



SƠN ALKYD THÔNG DỤNG CÁC MÀU - SVH

Thành phần

Sơn Alkyd thông dụng được chế tạo trên cơ sở chất tạo màng là các loại nhựa Alkyd, nhựa tổng hợp, bột màu, dung môi hữu cơ và các chất phụ gia.

Tính năng kỹ thuật:

- Sơn có màu sắc phong phú tươi sáng, bóng đẹp.
- Sơn khô tự nhiên.
- Bám dính tốt, độ bền va đập cao.
- Bền thời tiết, bền va đập, bền uốn.
- Lượng sơn tiêu hao cho 1 m² sản phẩm từ 180-220 gram với độ dày màng sơn từ 30-50 μm (theo lý thuyết), tùy theo màu sơn sử dụng và bề mặt được sơn.

Phạm vi sử dụng:

Dùng để sơn phủ, trang trí, bảo vệ các thiết bị, dụng cụ bằng gỗ và kim loại.

Cách sử dụng:

- Trước khi sơn bề mặt phải được tẩy sạch bụi bẩn, dầu mỡ và phải thật khô.
- Khuấy đều hộp sơn trước khi sử dụng.
- Gia công bằng phương pháp chổi quét, con lăn hoặc bằng súng phun (áp lực phun từ 4÷6 kg/cm²).
- Sơn từ 1-3 lớp tùy theo yêu cầu. Thời gian sơn lớp kế tiếp cách lần sơn trước tối thiểu 22 giờ. Chiều dày giữa các lớp sơn không quá 50 μm
- Sơn đặc có thể pha loãng bằng dung môi SVH do Viện hóa học công nghiệp sản xuất, tỷ lệ từ 1-10% so với lượng sơn.
- Không thi công khi trời mưa hoặc khi độ ẩm môi trường ≥ 85%.

Chỉ tiêu kỹ thuật

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức Chỉ tiêu |
|-----|--|------------------|--------------|
| 1. | Màu sắc | mẫu | theo mẫu |
| 2. | Độ mịn, không lớn hơn | μm | 23 |
| 3. | Độ nhớt đo bằng phễu BZ4 ở 25 °C ± 0,5 °C, không nhỏ hơn | giây | 60 |
| 4. | Hàm lượng chất không bay hơi, không nhỏ hơn | % | 50 |
| 5. | Độ phủ (tùy màu) | g/m ² | 55-100 |
| 6. | Thời gian khô cấp I với độ dày 15÷30 μm, không lớn hơn | giờ | 22 |
| 7. | Độ bám dính, không lớn hơn | điểm | 2 |
| 8. | Độ cứng màng sơn, không nhỏ hơn | so kính chuẩn | 0,15 |
| 9. | Độ bền uốn, không lớn hơn | m m | 1 |
| 10. | Độ bền va đập, không nhỏ hơn | Kg.cm | 45 |
| 11. | Độ bóng, không nhỏ hơn | % | 75 |

Bảo quản: Hộp sơn đóng kín, để nơi khô ráo, thoáng mát, tránh xa nguồn nhiệt.

Bảo hành: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.



Viện hóa học công nghiệp Việt nam

Cơ sở 1: Số 2 - Phạm Ngũ Lão - Hà nội

Cơ sở 2: Km 10.5 QL32 - Cầu diễn - Từ liêm - Hà nội

TEL: 04-3.7643270 FAX: 04-3.8372303



SƠN ALKYD ĐẶC BIỆT CÁC MÀU - ADN

Thành phần:

Sơn Alkyd đặc biệt được chế tạo trên cơ sở chất tạo màng là các loại nhựa Alkyd được biến tính, nhựa tổng hợp, bột màu, dung môi hữu cơ và các chất phụ gia đặc biệt.

Tính năng kỹ thuật:

- Sơn có màu sắc phong phú tươi sáng, độ bóng cao.
- Sơn khô tự nhiên.
- Bám dính tốt, độ cứng, độ bền va đập và độ bền uốn rất tốt.
- Bền thời tiết.
- Lượng sơn tiêu hao cho 1 m² sản phẩm từ 180÷220 gram với độ dày màng sơn từ 30÷50 μm (Theo lý thuyết), tùy theo màu sơn sử dụng và bề mặt được sơn.

Phạm vi sử dụng:

Dùng để sơn phủ, trang trí, bảo vệ các thiết bị dụng cụ bằng gỗ và kim loại có yêu cầu mỹ thuật cao.

Cách sử dụng:

- Trước khi sơn bề mặt phải được tẩy sạch bụi bẩn, dầu mỡ và phải thật khô.
- Khuấy đều hộp sơn trước khi sử dụng.
- Gia công bằng phương pháp chổi quét, con lăn hoặc bằng súng phun (áp lực phun từ 4÷6 kg/cm²).
- Sơn từ 1÷3 lớp tùy theo yêu cầu. Thời gian sơn lớp kế tiếp cách lần sơn trước tối thiểu 22 giờ.
- Sơn đặc có thể pha loãng bằng dung môi TL4;XL4 Do VHHCN sản xuất, tỷ lệ từ 1÷10% so với lượng sơn.
- Không thi công khi độ ẩm môi trường ≥ 85%.

Chỉ tiêu kỹ thuật:

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức Chỉ tiêu |
|-----|--|------------------|--------------|
| 1. | Màu sắc | mẫu | theo mẫu |
| 2. | Độ mịn, không lớn hơn | μm | 20 |
| 3. | Độ nhớt đo bằng phễu BZ4 ở 25 °C ± 0,5 °C, không nhỏ hơn | giây | 55 |
| 4. | Hàm lượng chất không bay hơi, không nhỏ hơn | % | 50 |
| 5. | Độ phủ (tùy màu) | g/m ² | 50-90 |
| 6. | Thời gian khô cấp I với độ dày 15-30 μm không lớn hơn | giờ | 22 |
| 7. | Độ bám dính, không lớn hơn | điểm | 1 |
| 8. | Độ cứng màng sơn, không nhỏ hơn | so kính chuẩn | 0,17 |
| 9. | Độ bền uốn, không lớn hơn | m m | 1 |
| 10. | Độ bền va đập, không nhỏ hơn | Kg.cm | 45 |
| 11. | Độ bóng, không nhỏ hơn | % | 85 |

Bảo quản: Hộp sơn đóng kín, để nơi khô ráo, thoáng mát, tránh xa nguồn nhiệt.

Bảo hành: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.



Viện hóa học công nghiệp Việt nam

Cơ sở 1: Số 2 - Phạm Ngũ Lão - Hà nội

Cơ sở 2: Km 10.5 QL32 - Cầu diễn - Từ liêm - Hà nội

TEL: 04-3.7643270 FAX: 04-3.8372303



SƠN VÂN BÚA ĐẶC BIỆT MAU KHÔ CÁC MÀU – ADN.VB

Thành phần:

Sơn vân búa đặc biệt mau khô được chế tạo trên cơ sở nhựa Alkyd đặc biệt, nhựa tổng hợp cao cấp, nhũ nhôm, bột màu, dung môi hữu cơ và các chất phụ gia đặc biệt.

Tính năng kỹ thuật:

- Màu sắc tươi sáng, bóng đẹp, vân rõ đều.
- Sơn khô tự nhiên.
- Sơn bám dính tốt, độ bền va đập cao, khả năng chịu thời tiết tốt.
- Lượng sơn tiêu hao cho 1 m² sản phẩm từ 180-220 gram với độ dày màng sơn từ 30-50 μm (Theo lý thuyết), tùy theo màu sơn sử dụng và bề mặt được sơn.

Phạm vi sử dụng:

Sơn vân búa đặc biệt mau khô dùng để sơn phủ bảo vệ và trang trí máy móc, thiết bị, đồ dùng dân dụng với yêu cầu kỹ thuật và mỹ thuật cao.

Cách sử dụng:

- Trước khi sơn bề mặt phải được tẩy sạch bụi bẩn, dầu mỡ và phải thật khô.
- Khuấy đều hộp sơn trước khi sử dụng.
- Gia công bằng phương pháp phun áp lực (áp lực phun từ 4÷6 kg/cm²).
- Sơn đặc có thể pha loãng bằng dung môi đặc biệt do VHHCN sản xuất, tỷ lệ từ 1-10% so với lượng sơn.
- Không pha sơn với bất kỳ loại nào khác. Phun 1 lớp đạt độ dày màng sơn từ 35÷40 μm. Nếu sơn 2 lớp thì lớp 1 phải mỏng dưới 30μm để đảm bảo thời gian khô cuối.
- Không thi công khi độ ẩm môi trường ≥ 85%.

Chỉ tiêu kỹ thuật:

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức Chỉ tiêu |
|-----|--|------------------|--------------|
| 1. | Màu sắc | mẫu | như mẫu |
| 2. | Độ tạo vân | vân mẫu | theo mẫu |
| 3. | Độ nhớt đo bằng phễu BZ4 ở 25 °C ± 0,5 °C, không nhỏ hơn | giây | 45 |
| 4. | Hàm lượng chất không bay hơi, không nhỏ hơn | % | 45 |
| 5. | Độ phủ (tùy màu), không nhỏ hơn | g/m ² | 60 |
| 6. | Thời gian khô với độ dày 15-30 μm, không lớn hơn | | |
| | Khô se | phút | 30 |
| | Khô cấp I | h | 18 |
| 7. | Độ bám dính, không lớn hơn | điểm | 1 |
| 8. | Độ cứng màng sơn, không nhỏ hơn | so kính chuẩn | 0,2 |
| 9. | Độ bền uốn, không lớn hơn | m m | 1 |
| 10. | Độ bền va đập, không nhỏ hơn | Kg.cm | 40 |
| 11. | Tỷ trọng | Kg/l | 0,95-1,05 |

Bảo quản: Hộp sơn đóng kín, để nơi khô ráo, thoáng mát, tránh xa nguồn nhiệt.

Bảo hành: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.



Viện hóa học công nghiệp Việt nam

Cơ sở 1: Số 2 - Phạm Ngũ Lão - Hà nội

Cơ sở 2: Km 10.5 QL32 - Cầu diễn - Từ liêm - Hà nội

TEL: 04-3.7643270 FAX: 04-3.8372303



SƠN EPOXY CÁC MÀU - EPN

Thành phần:

Sơn Epoxy các màu được chế tạo trên cơ sở nhựa Epoxy cao cấp, đóng rắn bằng polyamid và các adduct của chúng, bột màu, dung môi hữu cơ và các chất phụ gia đặc biệt .

Tính năng kỹ thuật:

- Sơn Epoxy là sơn hai thành phần (sơn gốc và chất đóng rắn).
- Sơn khô tự nhiên sau khi đã trộn lẫn 2 thành phần với nhau.
- Màu sắc sơn tươi sáng, bóng đẹp.
- Sơn có độ bám dính tốt trên bề mặt bê tông, kim loại. Độ bền uốn, bền va đập và độ chịu mài mòn cao. Sơn có khả năng chịu nước và chịu hoá chất rất tốt.
- Lượng sơn tiêu hao cho 1 m² sản phẩm từ 180-200 gram với độ dày màng sơn từ 40-60 µm (Theo lý thuyết).

Phạm vi sử dụng:

Sơn Epoxy được sử dụng rộng rãi trong công nghiệp và dân dụng: Dùng để sơn phủ bề mặt để bảo vệ, trang trí cho tất cả các thiết bị, dụng cụ bằng kim loại yêu cầu chịu hoá chất, chịu nước, như sơn phủ cầu thép, tàu thuyền, nhà xưởng chịu hoá chất, sân thi đấu thể thao (sân tennis, cầu lông, bóng chày...)

Cách sử dụng:

- Trước khi sơn, bề mặt phải được tẩy sạch bụi bẩn, dầu mỡ và phải thật khô.
- Nếu có lót bằng vecni thì phải sau 4 đến 15 giờ tùy theo điều kiện môi trường.
- Trước khi dùng phải trộn đều 2 thành phần sơn gốc và chất đóng rắn theo tỷ lệ: Theo quy định của nhà sản xuất. Thời gian sử dụng sau khi đã trộn lẫn hai thành phần trên không quá 6 h.
- Thi công bằng phương pháp chổi quét, con lăn hay phun áp lực (áp lực phun từ 4-6 kg/cm²). Sơn tối thiểu 2-3 lớp tùy theo yêu cầu sử dụng; mỗi lớp cách nhau ≥16 giờ.
- Sơn đặc có thể pha loãng bằng dung môi đặc biệt do VHHCN sản xuất với tỷ lệ không quá 10% so với lượng sơn. Không thi công khi có độ ẩm môi trường ≥ 85%.

Chỉ tiêu kỹ thuật:

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức Chỉ tiêu |
|-----|--|------------------|--------------|
| 1. | Màu sắc | mẫu | như mẫu |
| 2. | Độ mịn, không lớn hơn | µm | 23 |
| 3. | Độ nhớt đo bằng phễu BZ4 ở 25 °C ± 0,5 °C, không nhỏ hơn | giây | 30 |
| 4. | Hàm lượng chất không bay hơi, không nhỏ hơn | % | 40 |
| 5. | Độ phủ (tùy màu), không nhỏ hơn | g/m ² | 90 |
| 6. | Thời gian khô với độ dày 15±30 µm, không lớn hơn | giờ | |
| | - Khô se | | 2-6 |
| | - Khô cấp I | | 15 |
| 7. | Độ bám dính, không lớn hơn | điểm | 1 |
| 8. | Độ cứng màng sơn, không nhỏ hơn | so kính chuẩn | 0,35 |
| 9. | Độ bền uốn, không lớn hơn | mm | 1 |
| 10. | Độ bền va đập, không nhỏ hơn | Kg.cm | 50 |
| 11. | Độ bóng, không nhỏ hơn | % | 75 |
| 12. | Tỷ trọng | Kg/l | 1,0-1,25 |

Bảo quản: Hộp sơn đóng kín, để nơi khô ráo, thoáng mát, tránh xa nguồn nhiệt.

Bảo hành: 12 tháng kể từ ngày sản xuất .



Viện hóa học công nghiệp Việt nam

Cơ sở 1: Số 2 - Phạm Ngũ Lão - Hà nội

Cơ sở 2: Km 10.5 QL32 - Cầu diễn - Từ liêm - Hà nội

TEL: 04-3.7643270 FAX: 04-3.8372303



SƠN POLYURETHANE CÁC MÀU - PU.2P

Thành phần:

Sơn Polyurethane hai thành phần được chế tạo trên cơ sở nhựa acrylic polyol được tổ hợp bằng polyisocyanat, bột màu cao cấp, dung môi hữu cơ và các chất phụ gia đặc biệt.

Tính năng kỹ thuật:

- Sơn Polyurethane là sơn 2 thành phần (sơn gốc acrylic polyol và các chất đóng rắn).
- Sơn có màu sắc phong phú, tươi sáng, độ bóng cao.
- Sơn khô tự nhiên sau khi đã trộn lẫn 2 thành phần sơn gốc và chất đóng rắn với nhau.
- Sơn có khả năng bám dính rất tốt trên nền bê tông, kim loại và đồ gỗ.
- Sơn có độ bền va đập cao, khả năng chịu mài mòn tốt. Đặc biệt sơn có khả năng chịu tia tử ngoại rất tốt.
- Lượng sơn tiêu hao cho 1m² cho sản phẩm từ 180÷220g với độ dày màng sơn từ 30÷50µm (Theo lý thuyết).

Phạm vi sử dụng:

Sơn Polyurethane hai thành phần dùng để sơn phủ cho mọi bề mặt, trên nền bê tông, nhựa đường, sơn bảo vệ và trang trí các thiết bị máy móc, xe cộ, tàu thuyền.

Cách sử dụng:

- Trước khi sơn bề mặt phải được xử lý sạch bụi bẩn, dầu mỡ và phải thật khô
- Trộn lẫn và khuấy đều thành phần sơn gốc và chất đóng rắn theo tỷ lệ 4 sơn/1 đóng rắn (theo khối lượng). Thời gian sử dụng sơn sau khi đã trộn lẫn hai thành phần trên không quá 4h.
- Thi công bằng phương pháp quét, lăn hay phun áp lực (áp lực phun từ 4÷6 kg/cm²).
- Sơn đặc có thể pha loãng bằng dung môi đặc biệt do VHHCN nhưng không quá 10% so với lượng sơn.
- Không thi công khi độ ẩm môi trường $\geq 85\%$.

Chỉ tiêu kỹ thuật:

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức Chỉ tiêu |
|-----|--|------------------|--------------|
| 1. | Màu sắc | mẫu | nh mẫu |
| 2. | Độ mịn | µm | 23 |
| 3. | Độ nhớt đo bằng phễu BZ4 ở 25 °C ± 0,5 °C, không nhỏ hơn | giây | 30 |
| 4. | Hàm lượng chất không bay hơi, không nhỏ hơn | % | 50 |
| 5. | Độ phủ (tùy màu), không lớn hơn | g/m ² | 90 |
| 6. | Thời gian khô với độ dày 15-30 µm, không lớn hơn | giờ | |
| | - Khô se | | 2 |
| | - Khô cấp I | | 20 |
| 7. | Độ bám dính, không lớn hơn | điểm | 1 |
| 8. | Độ cứng màng sơn, không nhỏ hơn | so kính chuẩn | 0,4 |
| 9. | Độ bền uốn, không lớn hơn | m m | 1 |
| 10. | Độ bền va đập, không nhỏ hơn | Kg.cm | 45 |
| 11. | Độ bóng, không nhỏ hơn | % | 75 |
| 12. | Tỷ trọng | Kg/l | 0,9-1,2 |

Bảo quản: Hộp sơn đóng kín, để nơi khô ráo, thoáng mát, tránh xa nguồn nhiệt.

Bảo hành: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.